ĐỔI MỚI ĐÁNH GIÁ NGƯỜI HỌC THEO HƯỚNG TIẾP CẬN NĂNG LỰC

LÊ THỊ LỆ HÀ - LƯU THANH TÚ - NGUYỄN THỊ LAN ANH*

Ngày nhận bài: 28/05/2016; ngày sửa chữa 01/06/2016; ngày duyệt đăng: 03/06/2016.

Abstract: *Assessment innovation towards approaching learners' competency is urgent issue to improve quality of education in Vietnam today. The article mentions assessment innovation in term of definition, forms and methods of assessment, and exercises designed to assess learner's outcomes and proposes solutions to improve quality of assessment to train high quality human resources meeting the requirements of businesses and society.*

Keywords: *Innovation of assessment, teaching method, learner competency.*

1. Khái niệm năng lực (NL), đánh giá (ĐG) theo NL

Theo **Từ điển Tiếng Việt** (Hoàng Phê chủ biên) NL là: 1) Chỉ một khả năng, điều kiện tự nhiên để thực hiện một hoạt động nào đó; 2) Là một phẩm chất tâm, sinh lí tạo cho con người có khả năng để hoàn thành một hoạt động nào đó có chất lượng cao.

Từ hai nghĩa trên, có thể hiểu NL vừa tồn tại ở dạng tiềm năng vừa là một khả năng được bộc lộ thông qua quá trình giải quyết những tình huống có thực trong cuộc sống. NL không mang tính chung chung mà khi nói đến NL, bao giờ người ta cũng nói đến NL cũng thuộc về một hoạt động cụ thể nào đó, chẳng hạn: NL toán học (của hoạt động học tập hay nghiên cứu toán học), NL hoạt động chính trị, NL giảng dạy...

ĐG theo NL là ĐG theo chuẩn về sản phẩm đầu ra nhưng sản phẩm đó không chỉ là kiến thức, kĩ năng (KN) mà là NL vận dụng kiến thức, KN và thái độ cần có để thực hiện nhiệm vụ học tập đạt tới một chuẩn nào đó. Khi ĐG theo NL cũng vẫn phải căn cứ vào chuẩn kiến thức KN của mỗi một môn học để xác định các tiêu chí thể hiện NL của người học. Tuy nhiên, do NL mang tính tổng hợp và tích hợp nên chuẩn kiến thức, KN cần phải tổ hợp lại trong mối quan hệ nhất quán thể hiện được NL của người học, đồng thời phải xác định những mức NL cao hợp chuẩn để tạo được sự phân hóa nhằm đo được khả năng và sự tiến bộ của tất cả các đối tượng học tập.

Các NL có thể được ĐG ở sinh viên (SV): 1) Giao tiếp; 2) Hợp tác; 3) Tìm kiếm, tổ chức và xử lí thông tin; 4) Phát hiện và giải quyết vấn đề; 5) Tìm hiểu chương trình, sách giáo khoa; (6) Xây dựng và thực hiện kế hoạch dạy học (DH); 7) Quản lí hồ sơ DH; 8) Phối hợp, sử dụng các phương pháp DH; 9) Thiết kế và sử dụng các phương tiện DH; 10) DH tích hợp và phân hóa; 11) Xây dựng môi trường học tập; 12) Kiểm tra (KT), ĐG kết quả học tập...

Có thể minh họa một số tiêu chí ĐG các NL cụ thể như sau:

NL	Tiêu chí ĐG
NL giao tiếp	1) Khả năng thích ứng: Kinh nghiệm xã hội khi giao tiếp; Giữ bình tĩnh (trước đám đông); Biết thừa nhận người khác; Nhạy cảm; Phát âm; Hóm hỉnh (dí dỏm, hài hước); Diễn đạt. 2) Tham gia đàm thoại: Thuyết trình; Lắng nghe; Chia sẻ; Tranh luận; Tập trung. 3) Quản lí đàm thoại: Không làm gián đoạn người khác; Luân phiên thay đổi đàm thoại; Không dừng đàm thoại; Chú ý người khác; Biết điều chỉnh. 4) Đồng cảm: Kết nối; Quan tâm người khác; Thấu hiểu; Điều chỉnh cảm xúc; Xây dựng tình bạn. 5) Hiệu quả: Mức độ chia sẻ; Đáp ứng mong đợi của người khác; Đạt mục tiêu. 6) Phù hợp: Thời gian; Hoàn cảnh; Đối tượng; Nội dung.
NL phân tích và xử lí tình huống sư phạm	1) Nhận dạng, phân loại tình huống giáo dục. 2) Thu thập và xử lí thông tin cần thiết để giải quyết tình huống. 3) Lựa chọn và thực hiện phương án giải quyết tình huống phù hợp nhất. 4) Đóng vai xử lí tình huống. 5) ĐG các giải quyết tình huống và rút kinh nghiệm.
NL sử dụng công nghệ thông tin	1) Sử dụng thiết bị công nghệ thông tin. 2) Tổ chức, lưu trữ và tìm kiếm thông tin một cách khoa học trên máy tính; 3) Tìm kiếm, lựa chọn và khai thác hiệu quả những phần mềm ứng dụng thích hợp để học tập. 4) Hiểu biết về hệ thống thông tin, biết kết nối mạng và khai thác hiệu quả những dịch vụ trên mạng để phục vụ cho nhiệm vụ; 5) Tạo ra được những sản phẩm công nghệ thông tin hữu ích, phục vụ cho nghề nghiệp, đời sống.

Kết quả ĐG được quy về 4 mức: Tốt, Khá, Trung bình và Chưa đạt.

2. Một số hình thức ĐG NL của SV

Để chứng minh người học đạt NL ở một mức độ nào đó, phải tạo cơ hội để họ được giải quyết vấn đề trong tình huống, bối cảnh mang tính thực tiễn. Có thể ĐG NL của SV thông qua các hình thức sau:

* Trường Cao đẳng Sư phạm Nghệ An

2.1. Thông qua DH theo dự án. DH theo dự án là một hình thức DH, trong đó người học thực hiện một nhiệm vụ học tập phức hợp, có sự kết hợp giữa lí thuyết và thực hành, có tạo ra các sản phẩm. Nhiệm vụ này được người học thực hiện với tính tự giác, tự lực cao trong quá trình học tập, từ việc xác định mục đích, lập kế hoạch, đến việc thực hiện dự án, KT, điều chỉnh, ĐG quá trình và kết quả thực hiện. Các dự án học tập thường được thực hiện theo nhóm, trong đó có sự cộng tác làm việc và sự phân công công việc giữa các thành viên trong nhóm. DH theo dự án đòi hỏi và rèn luyện tính sẵn sàng, NL cộng tác làm việc giữa các thành viên tham gia, giữa SV và giảng viên (GV) cũng như với các lực lượng xã hội khác tham gia trong dự án. Đặc điểm này còn được gọi là học tập mang tính xã hội.

ĐG NL của SV thông qua DH theo dự án có thể mô tả bởi các tiêu chí sau:

TT	Tiêu chí ĐG	Tốt		Khá		Trung bình		Chưa đạt	
		SL	%	SL	%	SL	%	SL	%
1	Thu thập thông tin								
2	Xử lí thông tin								
3	Tổng hợp thông tin								
4	Xây dựng sản phẩm								
5	KN báo cáo trình bày sản phẩm								
6	KN giao tiếp, hợp tác, làm việc theo nhóm								
7	KN lập phiếu phỏng vấn, thống kê								
8	KN làm các thí nghiệm								
	...								

2.2. Thông qua hồ sơ tự học. Hồ sơ tự học của SV là một bộ sưu tập có mục đích, có tổ chức, ghi lại những công việc của SV được tích lũy trong suốt thời gian học tập và rèn luyện tại trường. Thông qua hồ sơ tự học, GV có thể ĐG được sự trưởng thành về mặt NL của SV qua các thời kì bằng những công việc các em đã hoàn thành và sản phẩm được thể hiện trong hồ sơ tự học.

Trong đào tạo theo tín chỉ, một trong những nhiệm vụ bắt buộc là SV phải dành thời gian thích đáng cho việc tự học, tự nghiên cứu. Các nhiệm vụ tự học, tự nghiên cứu được thể hiện trong đề cương chi tiết của từng học phần. Để ĐG NL tự học của SV đòi hỏi GV phải xây dựng được bộ tiêu chí ĐG.

ĐG NL tự học của SV có thể mô tả bởi các tiêu chí sau:

TT	Tiêu chí ĐG	Tốt		Khá		Trung bình		Chưa đạt	
		SL	%	SL	%	SL	%	SL	%
1	Nhận thức về vai trò tầm quan trọng của tự học (qua phiếu hỏi)								
2	Thái độ của SV đối với việc tự học (qua phiếu hỏi)								
3	Mức độ thực hiện các KN								
	KN xây dựng kế hoạch tự học								
	KN tìm kiếm tài liệu, sách tham khảo								
	KN học tập trên lớp								
	KN đọc và tóm tắt tài liệu								
	KN làm việc theo nhóm								
	KN phát hiện và giải quyết vấn đề								
	KN ĐG kết quả tự học								
	...								

3. Xây dựng câu hỏi, bài tập ĐG NL của SV

DH định hướng phát triển NL đòi hỏi việc thay đổi mục tiêu, nội dung, phương pháp DH và ĐG, trong đó việc thay đổi quan niệm và cách xây dựng các nhiệm vụ học tập, câu hỏi và bài tập (sau đây gọi chung là bài tập) có vai trò quan trọng.

3.1. Đặc điểm của bài tập định hướng phát triển NL:

- *Yêu cầu của bài tập:* Có mức độ khó khác nhau; Mô tả tri thức và KN yêu cầu; Định hướng theo kết quả.

- *Hỗ trợ học tích lũy:* Liên kết các nội dung qua suốt các năm học; Làm nhận biết được sự gia tăng của NL; Vận dụng thường xuyên tri thức đã học.

- *Hỗ trợ cá nhân hóa việc học tập:* Chẩn đoán và khuyến khích cá nhân; Tạo khả năng trách nhiệm đối với việc học của bản thân; Sử dụng sai lầm như là cơ hội.

- *Xây dựng bài tập trên cơ sở chuẩn:* Bài tập luyện tập để bảo đảm tri thức cơ sở; Thay đổi bài tập đặt ra (mở rộng, chuyển giao, đào sâu và kết nối, xây dựng tri thức thông minh); Thử các hình thức luyện tập khác nhau.

- *Bao gồm cả những bài tập cho hợp tác và giao tiếp:* Tăng cường NL xã hội thông qua làm việc nhóm; Lập luận, lí giải, phản ánh để phát triển và củng cố tri thức.

- *Tích cực hóa hoạt động nhận thức:* Bài tập giải quyết vấn đề và vận dụng; Kết nối với kinh nghiệm đời sống; Phát triển các chiến lược giải quyết vấn đề.

- *Có những con đường và giải pháp khác nhau:* Nuôi dưỡng sự đa dạng của các con đường, giải pháp; Đặt vấn đề mở; Độc lập tìm hiểu; Không gian cho các ý tưởng khác thường; Diễn biến mở của giờ học.

- *Phân hóa nội tại:* Con đường tiếp cận khác nhau; Phân hóa bên trong; Gắn với các tình huống và bối cảnh.

3.2. Các dạng bài tập phát triển NL của SV

Dựa trên các bậc nhận thức và chú ý đến đặc điểm của học tập định hướng phát triển NL, có thể xây dựng bài tập phát triển NL của SV theo các dạng:

- Bài tập tái hiện: Yêu cầu sự hiểu và tái hiện tri thức. Bài tập tái hiện không phải trọng tâm của bài tập định hướng phát triển NL.

- Bài tập vận dụng: Các bài tập vận dụng những kiến thức trong các tình huống không thay đổi. Các bài tập này nhằm củng cố kiến thức và rèn luyện KN cơ bản, chưa đòi hỏi sáng tạo.

- Bài tập giải quyết vấn đề: Các bài tập này đòi hỏi sự phân tích, tổng hợp, ĐG, vận dụng kiến thức vào những tình huống thay đổi, giải quyết vấn đề. Dạng bài tập này đòi hỏi sự sáng tạo của người học.

- Bài tập gắn với tình huống thực tiễn: Các bài tập vận dụng và giải quyết vấn đề gắn các vấn đề với các bối cảnh và tình huống thực tiễn. Những bài tập này là những bài tập mở, tạo cơ hội cho nhiều cách tiếp cận, nhiều con đường giải quyết khác nhau.

4. Một số biện pháp nâng cao hiệu quả ĐG NL của SV

Thứ nhất, cần sử dụng nhiều phương pháp ĐG khác nhau (thi viết, vấn đáp, trắc nghiệm, quan sát, làm thí nghiệm, trình bày dự án, chấm hồ sơ...). Đặc biệt là chuyển từ ĐG chú trọng đến kiến thức SV nắm được sang ĐG quá trình, cách thức SV nắm được kiến thức đó như thế nào, chú trọng đến KN cơ bản, NL cá nhân.

Thứ hai, nhà trường chịu trách nhiệm chính trong công tác ĐG nhưng không phải là hiệu trưởng mà chính là của GV và SV. Xác định trách nhiệm cao của GV trong công tác ĐG, do đó, cần thường xuyên bồi dưỡng nâng cao trình độ lí luận và phương pháp KT, ĐG cho đội ngũ GV.

Thứ ba, từng bước xây dựng bộ tiêu chí ĐG NL của SV qua từng bài học, từng chương, từng học phần làm căn cứ đổi mới quá trình DH và ĐG SV theo hướng tiếp cận NL.

Thứ tư, tăng cường hướng dẫn SV phương pháp tự học, tự nghiên cứu; định hướng sản phẩm mà SV đạt được sau mỗi bài, mỗi chương, mỗi học phần.

Thứ năm, định kì lấy ý kiến phản hồi của SV về quá trình DH và KT, ĐG.

* * *

ĐG là những khâu rất quan trọng trong quá trình dạy và học. Khoa học về KT, ĐG của thế giới đã có bước phát triển mạnh mẽ cả về lí luận và thực tiễn, trong khi ở Việt Nam ngành giáo dục chỉ mới quan tâm trong những năm gần đây. Đổi mới ĐG người học theo hướng tiếp cận NL là một yêu cầu cấp thiết để nâng cao chất lượng giáo dục nói chung và đáp ứng yêu cầu đổi mới chương trình giáo dục phổ thông sau năm 2015. Một số tiêu chí ĐG NL của SV được nêu ở trên hi vọng sẽ góp phần giúp SV cải tiến khâu ĐG đối với SV, tạo ra tác động tích cực cho việc dạy và học, đồng thời thúc đẩy việc đổi mới nội dung chương trình và phương pháp DH. ❑

Tài liệu tham khảo

[1] Nguyễn Hữu Châu (2005). *Những vấn đề cơ bản về chương trình và quá trình dạy học*. NXB Giáo dục.

[2] Thủ tướng Chính phủ (2012). *Chiến lược phát triển giáo dục 2011-2020.*

[3] Trường Cao đẳng Sư phạm Nghệ An (2010). *Chuẩn đầu ra trình độ cao đẳng và trung cấp chuyên nghiệp.*

[4] Nguyễn Vũ Bích Hiền (2015) *Tiếp cận năng lực trong đánh giá giáo dục.* Tài liệu tập huấn (website tailieu.nhagiao.edu.vn).

[5] Nguyễn Công Khanh (2013). *Đổi mới kiểm tra, đánh giá học sinh phổ thông theo hướng tiếp cận năng lực*. NXB Đại học Sư phạm.

Phát triển chương trình đào tạo...

(Tiếp theo trang 39)

cho các em trong việc hoàn thiện nhân cách, tham gia vào các hoạt động khác nhau có hiệu quả, vượt qua những khó khăn trong cuộc sống cũng như công việc. Tuy nhiên, KNM của SV các trường ĐH, CĐ hiện nay nhìn chung còn thiếu và yếu. Vì vậy, các trường cần PTCTĐT theo chuẩn đầu ra có tích hợp KNM, tổ chức quá trình đào tạo chú trọng phát triển KNM cho SV. ❑

Tài liệu tham khảo

[1] Rani S (2010). *Need and importance of soft skills in students.* Sri Sarada College for Women, Salem - 636016.

[2] Trần Ngọc Chuyên (1994). *Cách soạn thảo một đơn vị học thuật module.* Viện Nghiên cứu đại học và giáo dục chuyên nghiệp.

[3] Nguyễn Trọng Di (1998). *Nhìn lại bản thiết kế của thầy.* Tạp chí Phát triển Giáo dục, tháng 3.

[4] Phạm Thị Hồng Vinh (2007). *Xây dựng, phát triển và quản lí chương trình dạy học*. NXB Đại học Quốc gia Hà Nội.

[5] Viện Nghiên cứu đại học và giáo dục chuyên nghiệp (1993). *Module kĩ năng hành nghề*. NXB Khoa học và Kĩ thuật.